

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2017/HNGĐ-ST**
Ngày: 18-7-2017
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hữu Chí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Thanh Long;
2. Ông Hoài Đức Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 30 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Chị Huỳnh Thị Trúc P (H E), sinh năm 1988 (có mặt)*

Địa chỉ: Số 121, ấp 4, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: *Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1986 (có mặt)*

Địa chỉ thường trú: Xóm 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ tạm trú: Phòng 307 Block B nhà công vụ thuộc công ty Điện lực dầu khí K, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2017, bản tự khai ngày 05/5/2017, các biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Trúc P trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn V chung sống tự nguyện từ năm 2013, có tổ chức đám cưới, có tiến hành đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/4/2013.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7/2014 thì xảy ra mâu thuẫn do anh V chơi bời gây ra nợ nần. Chị đã nhiều lần khuyên can và bỏ qua cho anh V nhưng anh V không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Đến tháng 01/2016 chị bỏ về nhà mẹ ruột ở xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre sống cho đến nay, còn anh V vẫn ở xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian ly thân, anh V cũng thỉnh thoảng có đến thăm chị và con, có lần thì 02 tháng thăm 01 lần, có lần 05 tháng mới đến thăm, thời gian gần đây thì 01 tháng thăm 01 đến 02 lần. Mỗi lần anh V đến thăm thì vẫn ở chung với chị và vợ chồng cũng còn quan hệ tình cảm.

Nay chị P nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần và chị cũng đã cho anh V nhiều cơ hội nhưng anh V không thay đổi nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

- Về con chung: có 01 con chung tên Hoàng Hải Đ, sinh ngày 19/01/2015 hiện do chị đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**** Theo bản tự khai ngày 10/5/2017, các biên bản hòa giải và tại phiên Tòa hôm nay anh Hoàng Văn V trình bày:***

Anh công nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị P trình bày là đúng.

Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh có chơi bời gây ra nợ nần, nhưng sau đó gia đình anh đã trả nợ hết cho anh. Anh đã nhận ra sai lầm của bản thân và cũng đã cố gắng sửa đổi, lo làm ăn, đến nay công việc của anh đã ổn định.

Từ tháng 01/2016 cho đến nay chị P về nhà mẹ ruột ở xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre nhưng anh vẫn thường xuyên về Bến Tre thăm vợ con. Một tháng về thăm 02 đến 03 lần và vẫn ở chung với chị P, vợ chồng vẫn còn quan hệ tình cảm. Nay anh còn thương vợ, thương con nên chị P xin ly hôn anh không đồng ý.

- Về con chung: có 01 con chung tên Hoàng Hải Đ, sinh ngày 19/01/2015. Nếu ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị P nuôi dưỡng, dù chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về trình tự thủ tục, thẩm quyền Tòa án thụ lý, thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử không chấp***

nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị P đối với anh V vì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, gay gắt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện ngày 17/4/2017 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Huỳnh Thị Trúc P có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Hoàng Văn V, xét thấy chị P và anh V chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/4/2013 nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn”.

- Về thẩm quyền: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh V là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, chị P tiếp tục yêu cầu ly hôn anh V và khai nại không còn tình cảm vợ chồng với anh V với lý do anh V gây ra nợ nần dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và ly thân. Tuy nhiên chị P thừa nhận trong thời gian ly thân anh V vẫn đến thăm chị và con, vẫn ở chung với chị và vợ chồng vẫn còn quan hệ tình cảm. Phía anh V thừa nhận lỗi lầm do anh gây ra nhưng anh đã khắc phục sửa chữa, trong thời gian ly thân anh vẫn thường xuyên đến thăm vợ con và vợ chồng vẫn còn quan hệ tình cảm. Nay chị P yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì vẫn còn thương vợ con. Qua đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh V chưa đến mức trầm trọng, gay gắt mà có thể hàn gắn đoàn tụ được. Vì vậy xét yêu cầu ly hôn của chị P là không có cơ sở nên không chấp nhận.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí : Chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 220, 264, 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện về việc “ Ly hôn ” của chị Huỳnh Thị Trúc P.

Tuyên xử: Chị Huỳnh Thị Trúc P không được ly hôn anh Hoàng Văn V.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Trúc P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình (đã nộp xong theo biên lai thu số 002728 ngày 17/04/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai).

Báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện N;
- C cục THA huyện N;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã B; huyện G, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Dương Hữu Chí